

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 25 tháng 08, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	MSB	22/08/2025	18	69.789.400	23.107.644	3.02
2	NAB	22/08/2025	17	7.345.700	2.496.000	2.94
3	OCB	22/08/2025	14.55	36.959.500	12.752.740	2.09
4	DSC	22/08/2025	21.15	1.208.500	429.830	2.81
5	VIB	22/08/2025	23.6	62.489.500	23.058.110	2.71
6	L14	22/08/2025	41.3	1.756.800	688.467	2.55
7	SAM	22/08/2025	9.01	5.002.100	2.018.790	2.48
8	FIR	22/08/2025	8.48	2.071.300	868.733	2.38
9	KBC	22/08/2025	40.8	22.198.700	9.551.703	2.32
10	MHC	22/08/2025	14.35	1.768.100	773.610	2.29
11	DGT	22/08/2025	5.3	1.113.200	485.843	2.29
12	BSR	22/08/2025	27.85	37.060.600	16.462.133	2.25
13	TVS	22/08/2025	22.95	962.600	452.027	2.13
14	VCB	22/08/2025	64.6	18.944.300	9.113.080	2.08
15	BID	22/08/2025	43.25	22.730.700	11.179.267	2.03
16	ACB	22/08/2025	27.85	43.014.300	21.344.000	2.02
17	VDS	22/08/2025	25	12.433.700	6.182.014	2.01
18	GKM	22/08/2025	5.4	1.788.500	893.940	2
19	TCH	22/08/2025	20.55	21.285.200	10.937.443	1.95
20	CTG	22/08/2025	50.9	24.276.800	12.485.507	1.94
21	BMS	22/08/2025	14.9	1.328.800	688.440	1.93
22	HHS	22/08/2025	15.35	20.245.400	10.650.473	1.9
23	BMI	22/08/2025	21.75	1.242.900	652.477	1.9
24	MBB	22/08/2025	26.9	72.899.696	39.751.580	1.83
25	LCG	22/08/2025	13.35	12.862.500	7.104.574	1.81
26	NVB	22/08/2025	16.6	3449900	1906173	1.81
27	HUT	22/08/2025	17.3	9372200	5214007	1.8
28	TIG	22/08/2025	10.02	5482100	3050947	1.8
29	CRE	22/08/2025	10.5	2189900	1219660	1.8



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	22/08/2025	7.87	4.882.900	41.58	7.83	0.54	0.18	-0.03
2	APH	22/08/2025	6.81	724.190	44.25	6.74	1.4	0.11	0.49
3	ASM	22/08/2025	8.13	3.001.880	45.09	7.92	2.71	0.19	-0.09
4	BMI	22/08/2025	21.75	1.159.970	52.01	20.67	5.25	0.09	0.07
5	BVS	22/08/2025	38.2	1.465.960	44.67	35.84	6.6	1.06	-0.51
6	CSM	22/08/2025	14.35	1.787.000	58.02	13.48	6.43	0.14	0.1
7	DTD	22/08/2025	20.2	1.532.590	46.97	19.34	4.43	0.76	-0.54
8	GAS	22/08/2025	68	1.415.250	44.95	66.47	2.3	0.66	-0.19
9	GIL	22/08/2025	19	1.588.180	48.24	18.34	3.6	0.3	0.01
10	GMD	22/08/2025	61.7	4.637.870	58.88	57.75	6.85	1.01	-1.43
11	HSG	22/08/2025	18.4	13.582.560	44.49	17.23	6.79	0.41	-0.2
12	IDC	22/08/2025	43.3	4.508.870	56.6	42.04	3.01	1.09	-1.3
13	IDI	22/08/2025	7.9	3.860.770	47.81	7.39	6.91	0.28	-0.08
14	IJC	22/08/2025	13.4	7.160.490	45.56	13.32	0.62	0.2	-0.08
15	IVS	22/08/2025	10.3	1.236.800	49.32	9.92	3.87	0.16	-0.1
16	KSB	22/08/2025	18.5	4.710.070	46.39	17.97	2.93	0.35	-0.05
17	MSH	22/08/2025	35.9	685.470	40.9	35.29	1.72	0.01	0.21
18	MST	22/08/2025	5.9	4.141.420	45.49	5.8	1.81	0.08	0.1
19	NHA	22/08/2025	23.45	1.970.160	45.08	22.67	3.43	0.59	-0.13
20	NKG	22/08/2025	15.25	19.947.980	42.79	14.29	6.74	0.42	-0.17
21	OIL	22/08/2025	11.8	2.553.290	41.92	11.62	1.53	0.2	-0.05
22	PHC	22/08/2025	5.66	652.410	52.61	5.35	5.86	0.1	0.06
23	PHR	22/08/2025	55.5	1.041.730	32.45	55.43	0.13	0.56	0.01
24	PVC	22/08/2025	11.2	3.428.790	35.01	10.76	4.13	0.22	-0.15
25	PVS	22/08/2025	34.2	9.474.890	44.33	32.46	5.35	0.76	-0.79
26	QTP	22/08/2025	13.3	709.670	52.36	13.3	0.03	0.01	-0.16
27	SKG	22/08/2025	11.1	608.800	46.12	10.66	4.15	0.14	0.01
28	TTA	22/08/2025	12	1.353.380	56.56	11.59	3.53	0.15	0.12
29	TVC	22/08/2025	9.8	567.390	55.62	9.31	5.22	0.16	0.02

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AAS	18	18.8	1.752.210
2	BID	43.25	45.1	14014770
3	BMS	14.9	15.2	685.810
4	CDC	25.2	25.5	509.230
5	HAR	06.07	6.09	2246070
6	KBC	40.8	42	12.390.800
7	MSB	18	18.5	30.960.470
8	NAB	17	17	3.560.760
9	NAF	30.1	30.25	677.150
10	VDS	25	25	7.287.560
11	VIB	23.6	24.8	27.644.400

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	HAX	13.9	13.8	3.245.430
2	DC4	12	11.85	2.268.040
3	LAS	18.8	18.6	1.575.260
4	PPC	10.8	10.8	1.478.280
5	NBB	21.35	21	1.438.790
6	SAB	45.8	45.69	1.302.430
7	CTD	74.5	73.6	1.188.900
8	VTO	11.8	11.7	1.109.440
9	TV2	35.35	34.7	934.640
10	VTP	98.6	97.8	754.320
11	CTR	86.2	85.5	686.690
12	PHP	35.7	34.5	288.640
13	VPL	80.8	78	253.580
14	BMC	16.85	16.8	118.690

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BHN	32.7	31.98	33.690
2	BMC	16.85	16.8	118.690
3	CT3	5.4	5	20.470
4	DSN	44.9	44.9	12.600
5	VPL	80.8	78	253.580

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	GIL	19	18.34	1.588.180
2	MSH	35.9	35.29	685.470

Cắt lên đường trung bình MA20

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DGT	5.3	5.19	534.470
2	MCH	118	117.21	525.310

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BCM	66.5	67.23	669.630
2	DVM	7.3	7.6	925.570
3	FTS	38	38.7	7898070
4	GVR	29.5	29.98	8.183.390
5	LAS	18.8	19.13	1.575.260
6	NBB	21.35	22.63	1.438.790
7	PVD	21.25	21.76	11.158.190
8	TCO	11.03	11.62	783.010
9	TIG	10.2	10.26	3.619.360
10	VNM	58.7	59	5877480
11	VPI	55	55.73	2292650

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BCM	66.5	67.08	669.630
2	CMG	39.8	40.62	2.662.900
3	DDV	29.8	30.18	1804180
4	DPG	42.35	45.38	5.010.280
5	DRC	16.95	16.98	990.240
6	FTS	38	39.99	7.898.070
7	GAS	68	68.59	1.415.250
8	GVR	29.5	30.47	8.183.390
9	HVN	30.85	31.11	1813610
10	MSR	18.8	19.98	3126930
11	NTL	19.25	19.66	4011350
12	NVL	15.9	16.45	37577360

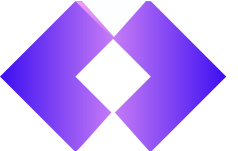
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AGR	17.05	18.02	2.956.800
2	ANV	24.25	25.66	5.890.000
3	BAF	35.1	35.42	7885190
4	CEO	23.5	24.51	30.320.460
5	CMG	39.8	41.41	2.662.900
7	DCM	38.2	39.03	7891680
8	DIG	22.7	22.89	38443620
9	DXG	20.15	20.75	27472130
10	DXS	11.4	11.94	6421660
11	EVF	13.9	14.47	31961500
12	GVR	29.5	31	8183390
13	HCM	26.7	27.48	20968420
14	HPG	26	27.04	85053104
15	HTN	11.8	11.9	2488000
16	HUT	17.3	18.37	6971610
17	IJC	13.4	13.86	7160490
18	PET	33.5	35.54	4438800
14	TCH	20.55	21.25	12353800
15	VCI	43.3	45.07	16694550
16	VGC	60.5	61.1	3327570
17	VND	22.45	23.51	44022180
18	YEG	13.85	14.65	7007940



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SAB	22/08/2025	45.8	45.69	50	9.4	1.295.040
2	QTP	22/08/2025	13.3	13	13.9	6.9	841.740
3	TNH	22/08/2025	15.85	15.6	17.7	13.5	824.260
4	SCS	22/08/2025	65.4	61.1	69.5	13.7	464.840
5	QNS	22/08/2025	47	45.97	49.1	6.8	421.280
6	CTF	22/08/2025	21	20.5	23.45	14.4	357.480
7	PVP	22/08/2025	15.1	14.3	16.4	14.7	335.680
8	VLC	22/08/2025	15.3	14.7	16.9	15	288.980
9	BWE	22/08/2025	47.65	46.7	52.6	12.6	210.660
10	IMP	22/08/2025	53.2	50.1	56.5	12.8	198.380
11	SJD	22/08/2025	15.2	14.3	15.6	9.1	152.660
12	BTP	22/08/2025	11.1	10.75	12.2	13.5	117.480
13	FMC	22/08/2025	37	35.1	40.3	14.8	112.880
14	DBD	22/08/2025	54.5	49.74	57	14.6	102.540
15	CNG	22/08/2025	28.5	27.15	30.4	12	97.200
16	GSP	22/08/2025	11.45	10.81	12.25	13.3	96.140
17	TVD	22/08/2025	10.3	10.1	11.4	12.9	64.460
18	ABI	22/08/2025	29	27.6	30.9	12	64.100
19	CHP	22/08/2025	34	33.6	35.65	6.1	61.820



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009